

Số: 22 /QĐ-NVQ

Nhà Bè, ngày 02 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán thu – chi năm 2023
Trường THCS Nguyễn Văn Quỳ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN QUỲ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà Nước;

Căn cứ thông tư số : 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách;

Căn cứ thông tư 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 03 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông;

Căn cứ Quyết định số: 159/QĐ-UB-TC ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân huyện Nhà Bè về đổi tên trường trung học cơ sở thuộc huyện Nhà Bè ;

Căn cứ Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Ủy Ban nhân dân huyện Nhà Bè về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các đơn vị trực thuộc Huyện;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu chi năm 2023 của trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ. *(Theo biểu kèm theo)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những qui định của trường trước đây trái với quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng Tài chính-Kế hoạch Huyện;
- Lưu: VT, Tài vụ.



Phạm Thị Cẩm Hồng

DỰ TOÁN THU- CHI NHÀ NƯỚC NĂM 2023(Kèm theo Quyết định số 22 /QĐ-NVQ ngày 01 tháng 01 năm 2023 của của Hiệu trưởng
Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ)

Đv tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Dự toán thu	
1	Thu phí, lệ phí	
2	Nguồn thu ngân sách cấp	10.087.060.000
	Kinh phí thường xuyên	5.291.130.000
	Kinh phí không thường xuyên	180.449.000
	Thu nhập tăng thêm NQ 03/2018/NQ-HĐND	4.221.736.000
	Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương	67.680.000
3	Nguồn thu ngân sách cấp bù	326.065.000
	Thu cấp bù học phí theo NQ17/2022/NQ-HĐND (905hs x 70.000 x 5tháng)	316.750.000
	Thu cấp bù MGHP (32HN x 30.000 x 9 + 5 HCN x 15.000 x 9)	9.315.000
4	Thu sự nghiệp khác	3.200.695.000
	Thu cấp bù MGHPHB	24.840.000
	Thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	32.000.000
	Tổ chức dạy 2 buổi/ngày	456.480.000
	Tổ chức phục vụ bán trú	201.600.000
	Vệ sinh bán trú	57.600.000
	Anh văn tăng cường	166.320.000
	Tin học	132.435.000
	Tiếng anh bản xứ	1.268.000.000
	Tiền liên kết dạy kỹ năng sống	254.340.000
	Tiền nghề	36.750.000
	Tiền lãi ngân hàng	1.800.000
	Tin học Quốc tế	321.600.000
	Căn tin	240.000.000
	Giữ xe đạp	4.500.000
	Thuê sân dạy võ	2.430.000
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.087.060.000
	Nguồn thu ngân sách cấp	9.760.995.000
	Chi thanh toán cá nhân	4.723.708.010
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	132.052.990
	Chi mua sắm, sửa chữa	140.000.000
	Chi khác	295.369.000
	Kinh phí không thường xuyên	180.449.000
	Thu nhập tăng thêm NQ 03/2018/NQ-HĐND	4.221.736.000
	Chi 10% tiết kiệm CCTL	67.680.000
	Nguồn thu ngân sách cấp bù	326.065.000
	Thu cấp bù học phí theo NQ17/2022/NQ-HĐND (905hs x 70.000 x 5tháng)	316.750.000
	Thu cấp bù MGHP (32HN x 30.000 x 9 + 5 HCN x 15.000 x 9)	9.315.000
C	Dự toán chi nguồn khác	2.343.505.000

TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Thu cấp bù MGHPHB	24.840.000
	Chi thanh toán cá nhân	19.872.000
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	4.968.000
	Chi mua sắm, sửa chữa	
	Chi khác	
	2% Thuế TNDN	3.780.000
	Thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	32.000.000
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm, sửa chữa	31.360.000
	Chi khác	
	2% Thuế TNDN	640.000
	Tổ chức dạy 2 buổi/ngày	456.480.000
	Chi thanh toán cá nhân	306.136.483
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	44.385.898
	Chi mua sắm, sửa chữa	26.757.749
	Chi khác	70.070.271
	2% Thuế TNDN	9.129.600
	Tổ chức phục vụ bán trú	201.600.000
	Chi thanh toán cá nhân	197.568.000
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm, sửa chữa	
	Chi khác	
	2% Thuế TNDN	4.032.000
	Vệ sinh bán trú	57.600.000
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm, sửa chữa	56.448.000
	Chi khác	
	2% Thuế TNDN	1.152.000
	Anh văn tăng cường	166.320.000
	Chi thanh toán cá nhân	111.650.616
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	14.669.424
	Chi mua sắm, sửa chữa	14.669.424
	Chi khác	22.004.136
	2% Thuế TNDN	3.326.400
	Tin học	132.435.000
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	38.935.890
	Chi mua sắm, sửa chữa	90.850.410
	Chi khác	
	2% Thuế TNDN	2.648.700
	Tiếng anh bản xứ	1.268.000.000
	Chi thanh toán cá nhân	445.983.496
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	626.787.616
	Chi mua sắm, sửa chữa	72.321.648
	Chi khác	97.547.240

TT	Nội dung	Dự toán được giao
	2% Thuế TNDN	25.360.000
	Tiền lãi ngân hàng	1.800.000
	Chi khác	25.270.000
	5% Thuế TNDN	90.000
	Tiền liên kết dạy kỹ năng sống	254.340.000
	Chi thanh toán cá nhân	74.196.870
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	108.976.653
	Chi mua sắm, sửa chữa	30.142.479
	Chi khác	35.937.198
	2% Thuế TNDN	5.086.800
	Tiền nghề	36.750.000
	Chi thanh toán cá nhân	36.015.000
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm, sửa chữa	
	Chi khác	
	2% Thuế TNDN	735.000
	Tin học Quốc tế	321.600.000
	Chi thanh toán cá nhân	31.516.800
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	252.134.400
	Chi mua sắm, sửa chữa	31.516.800
	Chi khác	
	2% Thuế TNDN	6.432.000
	Căn tin	240.000.000
	Nộp ngân sách	222.200.000
	7% Thuế TNDN + GTGT+MB	17.800.000
	Giữ xe đạp	4.500.000
	Nộp ngân sách	4.275.000
	5% Thuế TNDN +GTGT	225.000
	Thuê sân dạy võ	2.430.000
	Nộp ngân sách	2.308.500
	5% Thuế TNDN +GTGT	121.500

KẾ TOÁN



Lưu Thị Tâm

Nhà Bè, ngày 01 tháng 01 năm 2023



Phạm Thị Cẩm Hồng